

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÀNG LONG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST  
Ngày: 26-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Trúc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Thanh Nhân.
2. Ông Kiên Ngọc Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Nhật Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HS, ngày 15 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

*Bị cáo thứ nhất:* Trần Hữu G, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu Q (chết) và bà Nguyễn Thị Thu S; Anh chị em ruột: Có 01 người, sinh năm 2002;

- Tiền sự: 03.

+ Ngày 03/7/2019 bị Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Ngày 26/8/2019 bị Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Ngày 24/10/2019 bị Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thời hạn 03 tháng kể từ ngày 24/10/2019.

- Tiền án: 02.

+ Ngày 16/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 09 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 04/5/2014.

+ Ngày 16/09/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 03 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong 26/02/2018.

Tạm giữ từ ngày 19/01/2020 đến ngày 25/01/2020; Tạm giam từ ngày 25/01/2020 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện C.

*Bị cáo thứ hai:* Châu Văn L, sinh ngày 08/02/2002 (có mặt).

Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Châu Thị H; Anh chị em ruột: không có; Tiền án và tiền sự không; Tạm giữ 03 ngày từ ngày 22/01/2020 đến ngày 24/01/2020.

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh từ ngày 24/01/2020 cho đến nay.

*Người bị hại:* 1/. Ông Lê Văn S, sinh năm 1982 (có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/. Bà Hồ Diễm T, sinh năm 1984 (có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1966 (có mặt).

Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người làm chứng:*

1/. Ông Ngô Văn Nghĩa E, sinh năm 1990 (có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/. Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1999 (có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

### **3. Vật chứng đưa ra xem xét tại phiên tòa:**

- 01 (một) cờ lê 02 đầu hờ, một đầu số 14, một đầu số 10;
- 01 (một) biển số xe mô tô số 72F7-7979;
- 01 (một) bao ni lông màu trắng kích thước (1m x 0,6m);
- 01 (một) bao ni lông màu đỏ kích thước (1m x 0,6m);
- 01 (một) điện thoại di động hiệu nokia vỏ màu đen, loại bàn phím, số seri 356339058436603, máy sử dụng 01 sim số thuê bao 0963662749.
- Tiền Việt Nam đồng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án bị cáo G và bị cáo L thực hiện vụ trộm cắp tài sản được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại nhà bị cáo Trần Hữu G, tọa lạc thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo G rủ bị cáo Châu Văn L đi trộm xe mô tô tại quán nước của Lê Văn S, sinh năm 1982 và bà Hồ Diễm T, sinh năm 1984 tọa lạc thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo L đồng ý. Khi cả hai đi bộ đến quán nước của bị hại S nhìn qua cửa rào, bị cáo G và bị cáo L nhìn thấy hai chiếc xe mô tô, một chiếc nhãn hiệu YAMAHA EXCITER và một chiếc nhãn hiệu HONDA FUTURE NEO dựng trong quán.

Lúc này, bị cáo G nói bị cáo L đứng bên ngoài cánh giới còn bị cáo G đi vào quán nước qua khe hở cửa rào. Bị cáo G dẫn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER biển số 84L1-288.49 màu sơn xanh trắng đến cửa rào và kéo khung lưới sàn cát qua một bên để dẫn xe ra ngoài. Sau đó, cả hai đẩy xe vừa trộm được đem giấu trong chòi lá phía sau vườn nhà Nguyễn Thị G, sinh năm 1955 tọa lạc thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại đây, bị cáo L và bị cáo G cùng nhau mở bửng chắn gió phía trước, бага, bửng hai bên, biển số 84L1-288.49 của xe trộm được ra và cắt dây nguồn điện xe khởi động máy nhưng không được nên bị cáo L vào nhà ngủ còn bị cáo G nằm ngủ trên võng bên hong nhà bà G. Đối với biển số 84L1-288.49 bị cáo L ném xuống ao nước gần chòi lá, còn bửng chắn gió phía trước, бага, bửng chắn gió hai bên bị cáo L giấu trong bụi chuối gần ao nước sau vườn nhà. Do không khởi động xe được, bị cáo G đến nhà của Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1999, nơi cư trú thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh để hỏi D có biết mở khóa xe không nhưng D trả lời không biết. Tại đây, D nói cho bị cáo G biết Ngô Văn Nghĩa E, sinh năm 1990, nơi cư trú thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang tìm xe mô tô biển số 84L1-288.49 nhãn hiệu YAMAHA EXCITER của bị hại S bị mất trộm. Thông qua D, Nghĩa E liên hệ với bị cáo G, bị cáo G yêu cầu cho Nghĩa E lấy lại xe nhưng Nghĩa E phải đưa cho bị cáo G 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Sau đó, bị cáo G lấy biển số 72F7-7979 (không xác định được chủ sở hữu) đem đến để bị cáo L gắn vào xe trộm được. Gắn biển số xong, bị cáo L giao xe lại cho bị cáo G và bỏ đi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi trao đổi với Nghĩa E, tại chòi lá sau nhà bà Nguyễn Thị G, bị cáo G giao xe lại cho Nghĩa E, lấy được xe Nghĩa E đưa cho G 5.000.000 đồng (Số tiền này của bị hại đưa cho Nghĩa E lấy xe). Do trước khi đưa tiền cho Nghĩa E đi lấy xe bị hại S đã trình báo Cơ quan công an, nên khi Nghĩa E nhận xe, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đến và thu giữ xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER gắn biển số 72F7-7979. Đối với số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo G tiêu xài cá nhân 1.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng bị cáo G gửi cho Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1966, nơi cư trú thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh là mẹ của bị cáo G cất giữ. Tại Cơ quan điều tra bị cáo G và bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình (Bút lục: 63, 109 đến 111, 126 đến 216).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 08/KL.ĐGTS ngày 20/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA ECXITER, màu sơn xanh trắng, biển kiểm soát 84L1-288.49 của Lê Văn S tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 25.000.000 đồng (Bút lục: 99-100).

Tại Bản cáo trạng số: 23/CT-VKSCL, ngày 15/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Châu Văn L theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự về tội trộm cắp tài sản, bị cáo Trần Hữu G theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự về tội trộm cắp tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Hữu G và bị cáo Châu Văn L, hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 17/01/2020 tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Trần Hữu G và bị cáo Châu Văn L lén lút lấy trộm xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-288.49 của Lê Văn S trị giá 25.000.000 đồng.

*Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C:* Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Vị đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 17, Điều 58, Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Châu Văn L từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, thời hạn tù được tính từ ngày bản án có hiệu lực, bị cáo đi chấp hành án và được trừ thời hạn tạm giữ 03 ngày.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hữu G từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/01/2020.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Hữu G và bị cáo Châu Văn L, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bà Hồ Diễm T và ông Lê Văn S là người bị hại; Ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Hoàng D, ông Ngô Văn Nghĩa E là người làm chứng, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với biên bản bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Lời nhận tội của bị cáo Trần Hữu G, bị cáo Châu Văn L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Châu Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và bị cáo Trần Hữu G phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trần Hữu G, bị cáo Châu Văn L là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, phương tiện đi lại, điện thoại, xe,... là do quá trình lao động mới có được. Bị cáo là người có đủ sức khỏe lao động tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân và gia đình, nhưng bị cáo không lo chí thú làm ăn, lợi dụng sự sơ hở quản lý tài sản của chủ sở hữu, thực hiện hành vi lén lút đối với chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản. Cụ thể vào khoảng 02 giờ ngày 17/01/2020 tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Trần Hữu G và bị cáo Châu Văn L lén lút lấy trộm xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1-288.49 của Lê Văn S trị giá 25.000.000 đồng.

[3] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại bị nghiêm trị. Bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, muốn có tiền không phải bỏ ra công sức lao động.

Mặc dù là đồng phạm giản đơn, nhưng cần xem xét từng hành vi và vai trò phạm tội của từng bị cáo để quyết định hình phạt đúng quy định của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Hữu G là người giữ vai trò chính trong vụ án, là người khởi xướng ru rê và là người trực tiếp chọn địa điểm thực hiện trộm cắp, bị cáo đã cùng bị cáo Châu Văn L thực hiện trộm cắp, sau khi khởi động chiếc xe trộm không được đề đem bán, bị cáo nghĩ ra cách cho bị hại chuộc xe 5.000.000 đồng để lấy tiền tiêu xài. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: 02 tiền án: Ngày 16/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 09 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 04/5/2014; Ngày 16/09/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 03 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/02/2018, bị cáo G thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Ngoài ra bị cáo có 03 tiền sự: Ngày 03/7/2019 bị Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 26/8/2019 bị Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 24/10/2019 bị Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thời hạn 03 tháng kể từ ngày 24/10/2019. Khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương lại không chí thú làm ăn, bản thân không có nghề nghiệp ổn định, do nhu cầu bản thân không muốn lao động mà muốn

hưởng thu thúc đẩy bị cáo đi vào con đường phạm tội, cụ thể bị cáo rủ bị cáo Châu Văn L thực hiện vụ trộm cắp tài sản như đã nêu trên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích. Thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật và thuộc thành phần khó cải tạo, cần phải xử phạt nghiêm.

Đối với bị cáo Châu Văn L là người giúp sức, bản thân bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi, do nhận thức chưa đầy đủ nên khi nghe bị cáo G rủ đi trộm cắp tài sản bị cáo đã đồng ý tham gia, cụ thể bị cáo đã cùng bị cáo Trần Hữu G thực hiện vụ trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Hành vi phạm tội của bị cáo Châu Văn L là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Trong thời gian bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú vào ngày 15/3/2020 bị cáo L có hành vi cố ý gây thương tích đối với Đỗ Tấn B, sinh năm 1987 tại thị trấn C, huyện C, vụ việc này đang trong quá trình xác minh làm rõ. Thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật và thuộc thành phần khó cải tạo, cần phải xử phạt nghiêm.

[4] Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C thời gian gần đây xảy ra liên tục, gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo G và bị cáo L một mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo và tính chất của vụ án, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Hữu G và điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Châu Văn L.

Do đó ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại ông Lê Văn S và bà Hồ Diễm T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Hữu G tự nguyện trả 5.000.000 đồng tiền chuộc xe cho người bị hại ông Lê Văn S và bà Hồ Diễm T. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận, được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, được giao lại cho người bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ: 01 (một) cờ lê 02 đầu hở, một đầu số 14, một đầu số 10; 01 (một) bao ni lông màu trắng kích thước (1m x 0,6m); 01 (một) bao ni lông màu đỏ kích thước (1m x 0,6m) là vật chứng của vụ án nên tịch thu tiêu hủy; 01 (một) điện thoại di động hiệu nokia vỏ màu đen, loại bàn phím, số seri 356339058436603, máy sử

dụng 01 sim số thuê bao 0963662749 liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nghĩ nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) biển số xe mô tô số 72F7-7979 giao cho Cơ quan Công an huyện C tiếp tục quản lý.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Hữu G và bị cáo Châu Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hữu G và bị cáo Châu Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu G 05 (năm) năm tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 19/01/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 17, Điều 58, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Châu Văn L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bắt bị cáo chấp hành án được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 22/01/2020 đến ngày 24/01/2020 (03 ngày).

2. *Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Bị cáo Trần Hữu G tự nguyện trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho người bị hại Lê Văn S và Hồ Diễm T, được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000875, ngày 18/5/2020 được giao trả cho người bị hại.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu nokia vỏ màu đen, loại bàn phím, số seri 356339058436603, máy sử dụng 01 sim số thuê bao 0963662749.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cờ lê 02 đầu hờ, một đầu số 14, một đầu số 10; 01 (một) bao ni lông màu trắng kích thước (1m x 0,6m); 01 (một) bao ni lông màu đỏ kích thước (1m x 0,6m).

Đối với 01 (một) biển số xe mô tô số 72F7-7979 giao cho Cơ quan Công an huyện C tiếp tục quản lý.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Trần Hữu G phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Châu Văn L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Lê Thị Trúc Linh**